

TỜ TRÌNH

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Luật Viên chức ngày 15/11/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019, và các văn bản Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1007/QĐ-BNV ngày 29/9/2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của thành phố Hà Nội năm 2022; Thực hiện mục tiêu giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Chương trình số 01-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy, tương ứng mỗi năm giảm 2% (Hiện Bộ Nội vụ đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ giảm tỉ lệ 2%, dự kiến giao trong tháng 11/2021);

UBND Thành phố báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2021 và Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2022 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 29/NQ-HĐND NGÀY 09/12/2020 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

1. Về tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp

Triển khai Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND Thành phố, cùng ngày UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5568/QĐ-UBND giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội, trong đó giao chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị theo đúng số biên chế HĐND Thành phố giao.

Trong năm 2021, thực hiện Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 09/12/2020 HĐND thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND về việc thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 về việc tiếp nhận

nguyên trạng 08 công chức và 03 LĐHHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ từ Văn phòng Đoàn ĐBQH thành phố Hà Nội thuộc Văn phòng Quốc hội về Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố Hà Nội kể từ ngày 01/01/2021. Đồng thời, UBND Thành phố đã báo cáo Bộ Nội vụ và Thường trực HĐND Thành phố đồng ý giao bổ sung biên chế công chức cho thành phố Hà Nội là 08 công chức, phân bổ trực tiếp cho Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố.

Việc giao chỉ tiêu biên chế được thực hiện khoa học, kịp thời để các cơ quan, đơn vị chủ động. Số thực hiện trong năm luôn thấp hơn số HĐND Thành phố giao.

2. Về công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và các Văn bản triển khai thực hiện

UBND Thành phố đã tổ chức quán triệt, tuyên truyền các nội dung thực hiện theo Nghị quyết của Trung ương ngay tại Hội nghị giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội tháng 12/2020. Đồng thời, trong năm tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai công tác tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng Giao tiếp điện tử của UBND Thành phố, Sở Nội vụ và trang web của các cơ quan, đơn vị. Hướng dẫn các cơ quan thông tin, báo chí tuyên truyền, quán triệt nội dung, mục đích, ý nghĩa triển khai các Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; thường xuyên cập nhật tình hình, kết quả triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị tích cực, chủ động làm tốt công tác tư tưởng, tuyên truyền, vận động, thuyết phục đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị.

3. Về thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội

3.1. Về công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện

UBND Thành phố đã chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành Thành phố, các cơ quan thông tin, truyền thông Thành phố tập trung công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú.

Ngày 12/4/2021, UBND Thành phố cũng đã ban hành Kế hoạch số 100/KH-UBND để kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP; tổ chức Hội nghị triển khai đến toàn thể lãnh đạo chủ chốt của Thành phố. Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 06/KH-HĐPHPBGDPL ngày 12/5/2021 về đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội và Nghị định số 32/2021/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021. UBND các quận, thị xã cũng đã ban hành kế hoạch và tổ chức hội nghị triển khai thực hiện tới tất cả các phường trên địa bàn để triển khai thực hiện theo đúng quy định.

3.2. Về công tác rà soát, kiện toàn, sắp xếp đội ngũ công chức phường thuộc quận, thị xã của Thành phố

Thực hiện Văn bản số 125-CV/TU ngày 19/5/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc kiện toàn nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND nhiệm kỳ 2021-2026, nhân sự bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường thuộc quận, thị xã thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị; Hướng dẫn số 03-HD/BTCTU ngày 14/5/2021 của Ban Tổ chức Thành ủy về quy trình bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND phường thuộc quận, thị xã của thành phố Hà Nội.

UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Hướng dẫn số 1112/HD-SNV ngày 27/4/2021 về việc chuyển Chủ tịch, Phó Chủ tịch, công chức phường thành công chức do UBND quận, thị xã quản lý. Căn cứ kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, UBND các quận và thị xã Sơn Tây đã ban hành Quyết định chuyển 2.440 người là Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức phường sang công chức thuộc quận và thị xã quản lý; ban hành Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường kịp thời kể từ ngày 01/7/2021.

3.3. Về phương án biên chế công chức phường để thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị

Ngày 19/8/2021, UBND Thành phố đã có Văn bản số 2703/UBND-NC gửi Bộ Nội vụ xin ý kiến hướng dẫn đối với việc giao bổ sung biên chế công chức cho thành phố Hà Nội trong thời gian thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị để Thành phố có căn cứ giao các đơn vị thực hiện việc tuyển dụng công chức đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Ngày 16/9/2021, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 4540/BNV-CQĐP trả lời và đồng thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022. Theo đó, giao 2.625 biên chế công chức để chuyển công chức phường tại các phường không tổ chức HĐND thành công chức quận ở thành phố Hà Nội.

3.4. Về giải quyết chế độ cho các trường hợp nghỉ không công tác do thực hiện mô hình chính quyền đô thị

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Văn bản số 4540/BNV-CQĐP ngày 16/9/2021, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách đặc thù đối với cán bộ, công chức dôi dư khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị theo quy định của pháp luật, trình HĐND Thành phố vào kỳ họp cuối năm.

4. Về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế

4.1. Về việc rà soát, kiện toàn, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn cấp Thành phố, cấp quận huyện thị xã và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố theo các Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 01/12/2020 về rà soát, sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội. Trong quá trình triển khai, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã báo cáo, xin ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Thành ủy và Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế.

Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy tại Thông báo số 469-KL/TU ngày 19/8/2021 và Kết luận của Ban Chỉ đạo Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế tại Thông báo số 08-TB/BCĐ ngày 11/8/2021 về Hội nghị lần thứ ba nhiệm kỳ 2020-2025, trong đó thống nhất nội dung về rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Sở và rà soát các chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố theo các Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, 108/2020/NĐ-CP và 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ. UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4042/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 phê duyệt phương án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội, làm cơ sở các cơ quan, đơn vị triển khai đầy đủ nội dung, đúng tiến độ sắp xếp yêu cầu.

Theo phương án sắp xếp, số lượng đơn vị sự nghiệp giảm là 14 đơn vị, gồm: 07 đơn vị khối Sở ngành (01 Chi cục và 06 đơn vị sự nghiệp), 01 đơn vị khối các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố, 06 đơn vị sự nghiệp thuộc quận, huyện, thị xã. Giảm 91 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Sở ngành; 17 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố; đồng thời thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP. Hiện nay, việc sắp xếp, tinh gọn các đơn vị sự nghiệp đang được triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành trong Quý IV năm 2021.

4.2. Về tình hình biên chế

Trong năm 2021, Thành phố cũng đã giải quyết tình hình biên chế 173 người theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ; lũy kế thực hiện từ năm 2015 đến nay là 31 đợt, tinh giản 1.345 trường hợp (174 công chức, 908 viên chức, 240 công chức cấp xã, 01 cán bộ quản lý doanh nghiệp, 03 người làm việc ở các hội được giao biên chế, 19 LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP).

5. Về công tác cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính

Năm 2021, công tác cải cách hành chính được Thành phố tiếp tục xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm nhằm thực hiện hiệu quả chủ đề công tác năm “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo, phát triển”. Kết quả triển khai công tác cải cách hành chính của Thành phố được các cơ quan, tổ chức đánh giá qua các chỉ số PCI và PAPI tiếp tục được duy trì, cải thiện; các chỉ số về cải cách hành chính tiếp tục giữ vị trí cao trong năm 2020: Chỉ số Cạnh tranh cấp tỉnh

(PCI) xếp thứ 9/63, là năm thứ 3 liên tiếp nằm trong Top 10 cả nước, thuộc nhóm địa phương có chất lượng điều hành tốt; Chỉ số PAPI tăng 11 bậc so với năm 2019, trong đó có 06/08 chỉ số nội dung vừa tăng về điểm số, vừa tăng về thứ hạng; Chỉ số SIPAS tăng 19 bậc so với năm 2019, xếp thứ 33/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chỉ số PAR Index tiếp tục nằm trong top 10 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước về kết quả cải cách hành chính.

Thành phố tiếp tục tăng cường triển khai mở rộng Hệ thống hợp trực tuyến từ Thành phố đến tất cả các điểm cầu trực tuyến tại các Sở, cơ quan tương đương Sở, quận, huyện, thị xã và xã, phường, thị trấn. Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, Thành phố cũng đã hoàn thành việc đưa vào khai thác, sử dụng, triển khai lắp đặt các thiết bị màn hình cảm ứng, trang thiết bị công nghệ thông tin, camera giám sát để tuyên truyền và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời vẫn đảm bảo phòng, chống dịch bệnh tại các khu chung cư, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố tại nhiều quận, huyện trên địa bàn Thành phố, bao gồm: Long Biên, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Đống Đa, Thanh Xuân, Hoài Đức, Đông Anh, Quốc Oai, Thanh Trì, Hoàng Mai,...

6. Về công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện kỷ cương hành chính luôn được thực hiện thường xuyên, gắn với công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc quản lý tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế, tuyển dụng, vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố, UBND quận, huyện, thị xã với nhiều hình thức (thanh tra, kiểm tra công vụ đột xuất, kiểm tra xác minh vụ việc, khảo sát).

Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung các nội dung: Việc tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ được Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố giao; Việc tổ chức, hoạt động của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện các quy định về tiếp công dân, xử lý và giải quyết đơn thư; Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, tuân thủ nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, thực hiện các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan thuộc Thành phố, quy tắc ứng xử nơi công cộng; Việc bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, bộ thủ tục hành chính, quy trình, quy chế làm việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau kiểm tra của Đoàn Kiểm tra công vụ Thành phố; đồng thời tập trung kiểm tra việc thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong thời gian toàn Thành phố thực hiện giãn cách xã hội. Qua thanh tra, kiểm tra đã đề nghị một số cơ quan, đơn vị khắc phục tồn tại, thiếu sót để phục vụ công dân, tổ chức ngày càng tốt hơn, đảm bảo quy tắc phòng, chống dịch.

7. Về vị trí việc làm

7.1. Về đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

Đề án vị trí việc làm trong toàn bộ cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố được phê duyệt đã góp phần giúp các cơ quan, đơn vị sắp xếp, bố trí công chức, viên chức, người lao động theo đúng khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm (bằng cấp chuyên môn, kinh nghiệm công tác, khả năng đáp ứng công việc,...). Đồng thời, từng bước phát huy được trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và sở trường công tác của công chức, viên chức; công chức, viên chức có thể thực hiện các công việc có tính tương tác, hỗ trợ lẫn nhau trong chuyên môn nghiệp vụ, sẵn sàng làm ở các vị trí khác nhau để thực hiện tốt công tác luân chuyển cán bộ hoặc thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định. Năm 2021, toàn bộ công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, đánh giá, quy hoạch,... tiếp tục được triển khai thực hiện đúng theo Đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi các Bộ chuyên ngành ban hành Thông tư hướng dẫn, UBND Thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, điều chỉnh, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt (đến nay các Bộ chuyên ngành đang gửi dự thảo lấy ý kiến của Bộ ngành, địa phương).

7.2. Về phương án luân chuyển, điều động viên chức giáo viên và bố trí đội ngũ kế toán, y tế trường học

7.2.1. Về việc bố trí luân chuyển, điều động viên chức trên cùng địa bàn

Hiện nay số lượng người làm việc tại các cơ sở giáo dục được giao ít hơn so với định mức giáo viên và nhân viên trường học (quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư số 16/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập), do vậy các quận, huyện, thị xã tạm thời chưa xây dựng phương án luân chuyển, điều động viên chức giáo viên trên cùng một địa bàn.

7.2.2. Về việc bố trí đội ngũ nhân viên kế toán, y tế học đường

Hiện UBND Thành phố đang giao Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND quận, huyện, thị xã tổng hợp nhu cầu thực tế và phương án tiết kiệm biên chế (theo quy định tại Kế hoạch 217/KH-UBND ngày 04/10/2021 của UBND Thành phố về triển khai công tác y tế trường học năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố) để UBND Thành phố xem xét, quyết định.

8. Về đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ

8.1. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5685/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức cấp xã và đối tượng khác

thành phố Hà Nội năm 2021. Nội dung trọng tâm là bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức; bồi dưỡng bắt buộc cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, kiến thức bổ trợ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn vị trí việc làm; bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, công nghệ thông tin, lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực; các lớp đào tạo sau đại học;... dành cho các đối tượng công chức, viên chức, công chức cấp xã, lãnh đạo cấp phòng, cấp Sở với nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng như thường xuyên hoặc dài hạn, ngắn hạn theo đề án, dự án, kế hoạch và chương trình mục tiêu của Trung ương, các Bộ chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng khác.

Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 trên địa bàn Thành phố, UBND Thành phố cũng đã kịp thời ban hành Quyết định số 3600/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 chỉ đạo việc triển khai thực hiện hiệu quả loại hình bồi dưỡng từ xa (trực tuyến) đối với các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt tại Quyết định số 5685/QĐ-UBND ngày 28/12/2020. Ngoài ra, để tiếp tục tạo sự chuyển biến về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng, năng lực phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, UBND Thành phố cũng đã ban hành Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.

8.2. Về công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức

Công tác tuyển dụng được tổ chức đảm bảo đúng quy định. Năm 2021, Thành phố đã tổ chức sát hạch vào công chức 02 đợt với 69 trường hợp có kinh nghiệm công tác từ đủ 05 năm trở lên; tổ chức kỳ thi tuyển công chức làm việc tại các Sở ban ngành, UBND quận, huyện, thị xã đối với 187 chỉ tiêu; tổ chức kỳ thi tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND cấp huyện đối với 3.960 chỉ tiêu. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội, UBND Thành phố cũng đã tổ chức sát hạch tiếp nhận vào công chức đối với các trường hợp là cán bộ cấp phường thuộc diện bố trí, sắp xếp khi thực hiện thí điểm mô hình chính quyền đô thị.

UBND Thành phố cũng đã ban hành các Quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức về làm việc tại các đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nội vụ, Sở Xây dựng; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND các quận, huyện: Long Biên, Mê Linh; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố: Báo Kinh tế và Đô thị, Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây, Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh thành phố Hà Nội.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ NĂM 2022

1. Quan điểm và căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Nguyên tắc phân bổ biên chế

1.1. Biên chế công chức

Giữ nguyên so với năm 2021 và bổ sung 2.625 biên chế công chức tại các phường theo mô hình thí điểm chính quyền đô thị (Thực hiện theo đúng số Bộ Nội vụ giao năm 2022 tại Quyết định số 1007/QĐ-BNV ngày 29/9/2021).

Nguyên tắc phân bổ: Cơ bản các cơ quan, đơn vị giữ nguyên biên chế; có sự điều chỉnh tại một số cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc và cân đối giữa các đơn vị thuộc cùng nhóm (đối với khối quận, huyện, thị xã).

1.2. Số lượng người làm việc (biên chế viên chức)

Giảm tỉ lệ 2% so với năm 2021: Thực hiện mục tiêu giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã nêu tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Chương trình số 01-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về tăng cường công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị Thành phố trong sạch, vững mạnh; đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025. Hiện Bộ Nội vụ đang báo cáo Thủ tướng Chính phủ giảm tỉ lệ 2%, dự kiến giao trong tháng 11/2021.

Cụ thể:

- Giảm do chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ để giảm biên chế hưởng lương ngân sách (theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021).

- Giảm biên chế viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên chuyển sang giao biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị.

- Giảm biên chế viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ thuộc lĩnh vực ngoài giáo dục, y tế theo chủ trương tinh giản biên chế (tỉ lệ 2%).

- Giảm biên chế viên chức thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chuyển sang hưởng phụ cấp và chế độ chính sách theo Nghị quyết số 10/2021/NĐ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.

*Đối với biên chế tăng **7.134 viên chức** đối với lĩnh vực giáo dục, y tế theo định mức theo Thông báo số 9028-CV/VPTW ngày 11/3/2019 về Kết luận của Bộ Chính trị bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế để đảm bảo “có học sinh thì phải có giáo viên đứng lớp”, “có bệnh nhân thì phải có nhân viên y tế”; hiện đã được Bộ Nội vụ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ, sẽ giao bổ sung khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý.

1.3. Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

Giữ nguyên so với năm 2021 (có điều chỉnh một số cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao) cho đến khi có chỉ đạo mới của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ.

1.4. Chỉ tiêu hợp đồng lao động định mức

Giảm do chuyển chỉ tiêu thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang hưởng phụ cấp và chế độ chính sách theo Nghị quyết số 10/2021/NĐ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.

2. Kế hoạch biên chế năm 2022

2.1. Khối cơ quan hành chính

2.1.1. Biên chế công chức: Giao **10.560** biên chế, tăng 2.625 biên chế so với năm 2021. Cụ thể:

a. Số biên chế công chức giao cho các cơ quan, tổ chức hành chính cấp huyện trở lên: 7.935 biên chế.

b. Số biên chế được giao bổ sung cho UBND cấp huyện: 2.625 biên chế để chuyển số công chức phường tại các phường không tổ chức HĐND thành công chức do UBND quận, thị xã quản lý theo mô hình chính quyền đô thị.

2.1.2. Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP

Giao **1.079** chỉ tiêu HĐLĐ68, giữ nguyên so với năm 2021; có điều chỉnh một số cơ quan, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao.

Ngoài ra, giữ nguyên 346 chỉ tiêu ký hợp đồng làm công tác bảo vệ theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ (đã được UBND Thành phố giao tại Quyết định số 5568/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 của thành phố Hà Nội).

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

2.2. Khối đơn vị sự nghiệp

2.2.1. Biên chế viên chức: Giao **114.059** biên chế, giảm 2.321 biên chế so với năm 2021 (tỉ lệ 2%), cụ thể:

a. Giảm do chuyển các đơn vị sự nghiệp sang tự chủ để giảm biên chế hưởng lương ngân sách (theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 19/02/2019 của UBND Thành phố về nâng mức tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018-2021): 28 đơn vị với 892 biên chế, trong đó:

- Các đơn vị đã thực hiện tự chủ trong năm 2021: 06 đơn vị với 134 biên chế.

- Các đơn vị đăng ký chuyển sang tự chủ năm 2022: 07 đơn vị với 294 biên chế.

- Các đơn vị yêu cầu chuyển sang tự chủ: 15 đơn vị với 464 biên chế. Bao gồm Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố và 14 Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp huyện đã được giao nhiệm vụ phải chuyển sang tự chủ năm 2021 trong Kế hoạch số 44/KH-UBND của UBND Thành phố. Đề nghị đưa ra tự chủ để đảm bảo đúng lộ trình (hiện đã chậm 01 năm) và phù hợp giữa các quận, huyện, thị xã. Những đơn vị không thực hiện, đề nghị sáp nhập với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp huyện.

b. Giảm biên chế viên chức thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do chuyển sang hưởng phụ cấp và chế độ chính sách theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố về việc bố trí lực lượng và chế độ chính sách cho nhân viên chăn nuôi thú y các xã phường thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội: 281 biên chế.

c. Giảm biên chế viên chức đối với các đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ thuộc lĩnh vực ngoài giáo dục theo chủ trương tinh giản biên chế (tỉ lệ 2%): 169 biên chế.

d. Giảm biên chế viên chức xác định theo tỉ lệ tự chủ từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc lĩnh vực ngoài giáo dục để chuyển sang giao viên chức hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị (xác định 50% theo mức tỉ lệ tự chủ, đảm bảo không thấp hơn số biên chế hiện có): 1.060 biên chế.

UBND Thành phố sẽ giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên theo thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

đ. Chuyển 81 biên chế vào nguồn dự phòng của Thành phố.

2.2.2. Chỉ tiêu HDLD 68: Giao **10.464** chỉ tiêu HDLD68, giữ nguyên so với số giao năm 2021.

2.2.3. Chỉ tiêu định mức

Giao **8.412** chỉ tiêu, giảm 127 chỉ tiêu so với số giao năm 2021, do chuyển lực lượng nhân viên kỹ thuật thú y tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang hưởng phụ cấp và chế độ chính sách theo Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố.

Đối với chỉ tiêu HDLD định mức tại Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước mắt giữ nguyên trạng tồn tại và giao đúng số có mặt cho đến khi kiện toàn xong tổ chức bộ máy theo Thông báo số 469-TB/TU ngày 19/8/2021 Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy. UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết dứt điểm số HDLD định mức này trong năm 2022.

(Chi tiết tại Biểu kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

2. Triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội. Đảm bảo chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư; kịp thời kiểm tra, rà soát, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến những nội dung vượt thẩm quyền.

3. Tổ chức sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao khả năng tự chủ, tự chi trả từ nguồn thu của đơn vị, đây là nội dung quyết định để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Giải quyết dứt điểm chỉ tiêu hợp đồng lao động định mức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2022.

4. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

5. Tập trung rà soát, điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành và phù hợp với thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

6. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất. Xác định chất lượng nguồn nhân lực của Thủ đô phải là yếu tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả công tác tham mưu tại tất cả các ngành, lĩnh vực.

7. Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các ngành liên quan của Thành phố rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ, vị trí việc làm để điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo quy định.

UBND Thành phố kính trình HĐND Thành phố xem xét, quyết nghị. /.

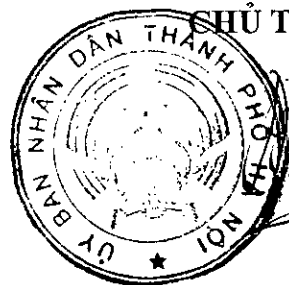
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Ban Pháp chế HĐND TP;
- Các Sở: Nội vụ, KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBTP: CVP, các PCVP, TH, NC, TKBT;
- Lưu: VT.

66048 - 43

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Chu Ngọc Anh



KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2022

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2021			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2021			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2022			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2021			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	
	Tổng cộng	9 014	7 935	1 079	8 266	7 253	1 013	11 639	10 560	1 079	2 625	2 625		
I	Khối Sở ngành	3 999	3 321	678	3 652	3 011	641	4 003	3 325	678	4	4		
II	Khối chính quyền quận, huyện, thị xã	5 015	4 614	401	4 614	4 242	372	7 636	7 235	401	2 621	2 621		
III	Biên chế dự phòng													
I	Khối Sở ngành	3 999	3 321	678	3 652	3 011	641	4 003	3 325	678	4	4		
1	Văn phòng UBND Thành phố	193	149	44	176	135	41	195	149	46	2		2	
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	71	58	13	66	53	13	71	58	13				
3	Sở Thông tin và Truyền thông	79	69	10	65	59	6	79	69	10				
4	Sở Nội vụ	155	123	32	136	108	28	158	126	32	3	3		
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	679	578	101	636	540	96	679	578	101				
6	Sở Công Thương	138	123	15	130	118	12	138	123	15				
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	170	158	12	161	149	12	172	160	12	2	2		
8	Sở Tài chính	227	217	10	198	190	8	227	217	10				
9	Sở Xây dựng	220	202	18	205	187	18	220	200	20		- 2	2	
10	Sở Giao thông Vận tải	698	411	287	657	372	285	694	411	283	- 4		- 4	
11	Sở Khoa học và Công nghệ	112	99	13	90	79	11	112	99	13				
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	154	147	7	150	143	7	154	147	7				
13	Sở Giáo dục và đào tạo	141	126	15	119	105	14	141	126	15				
14	Sở Y tế	177	151	26	149	129	20	177	151	26				
15	Sở Văn hóa và Thể thao	119	107	12	112	100	12	119	107	12				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2021			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2021			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2022			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2021			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	
16	Sở Du lịch	59	53	6	46	42	4	58	52	6	- 1	- 1		
17	Sở Tư pháp	80	73	7	75	68	7	80	73	7				
18	Sở Ngoại vụ	40	33	7	34	27	7	40	33	7				
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	180	167	13	163	152	11	182	169	13	2	2		
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	103	91	12	95	83	12	103	91	12				
21	Thanh tra Thành phố	118	112	6	112	106	6	118	112	6				
22	Ban Dân tộc	27	21	6	26	20	6	27	21	6				
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	59	53	6	51	46	5	59	53	6				
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	5 015	4 614	401	4 614	4 242	372	7 636	7 235	401	2 621	2 621		
1	Quận Hoàn Kiếm	185	179	6	161	155	6	455	449	6	270	270		
2	Quận Hai Bà Trưng	214	190	24	195	172	23	482	458	24	268	268		
3	Quận Ba Đình	182	167	15	158	147	11	392	377	15	210	210		
4	Quận Đống Đa	229	206	23	221	199	22	542	519	23	313	313		
5	Quận Tây Hồ	161	147	14	148	134	14	280	266	14	119	119		
6	Quận Thanh Xuân	161	148	13	145	132	13	326	313	13	165	165		
7	Quận Cầu Giấy	160	148	12	152	140	12	280	268	12	120	120		
8	Quận Hoàng Mai	181	169	12	165	153	12	391	379	12	210	210		
9	Quận Long Biên	165	159	6	153	147	6	375	369	6	210	210		
10	Quận Nam Từ Liêm	166	151	15	152	137	15	316	301	15	150	150		
11	Quận Bắc Từ Liêm	164	152	12	136	125	11	359	347	12	195	195		
12	Quận Hà Đông	190	175	15	187	172	15	445	430	15	255	255		
13	Huyện Thanh Trì	187	175	12	175	166	9	186	174	12	- 1	- 1		
14	Huyện Gia Lâm	198	181	17	184	170	14	198	181	17				

STT	TÊN ĐƠN VỊ	BIÊN CHẾ ĐƯỢC GIAO NĂM 2021			SỐ CÓ MẶT ĐẾN 30/9/2021			KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ NĂM 2022			TĂNG, GIẢM SO VỚI NĂM 2021			Ghi chú
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	LĐHĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo ND số 68/2000/ND- CP	
15	Huyện Đông Anh	201	194	7	192	186	6	200	193	7	- 1	- 1		
16	Huyện Sóc Sơn	214	197	17	208	193	15	214	197	17				
17	Huyện Ba Vì	163	150	13	147	136	11	163	150	13				
18	Thị xã Sơn Tây	162	151	11	145	135	10	297	286	11	135	135		
19	Huyện Thạch Thất	142	133	9	126	118	8	142	133	9				
20	Huyện Phúc Thọ	137	126	11	115	105	10	137	126	11				
21	Huyện Đan Phượng	145	129	16	136	120	16	146	130	16	1	1		
22	Huyện Hoài Đức	148	139	9	131	123	8	148	139	9				
23	Huyện Quốc Oai	145	133	12	144	132	12	145	133	12				
24	Huyện Chương Mỹ	158	137	21	152	132	20	160	139	21	2	2		
25	Huyện Thanh Oai	133	124	9	117	108	9	133	124	9				
26	Huyện Thường Tín	138	129	9	131	122	9	138	129	9				
27	Huyện Ứng Hòa	147	129	18	133	116	17	147	129	18				
28	Huyện Phú Xuyên	139	128	11	128	118	10	139	128	11				
29	Huyện Mỹ Đức	147	130	17	143	126	17	147	130	17				
30	Huyện Mê Linh	153	138	15	134	123	11	153	138	15				



KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2022

Số TT	Loại hình, tên đơn vị		Số được giao của năm 2021						Số có mặt đến thời điểm 30/9/2021						Kế hoạch năm 2022						Tăng, giảm so với năm 2021							
			Chia ra					Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra							
			Số lượng người làm việc			LĐHD theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức		Số lượng người làm việc			LĐHD đối với VTVL là viên chức	LĐHD theo ND68 và ND161		HDLĐ định mức	Số lượng người làm việc			LĐHD theo ND68 và ND161		HDLĐ định mức	Số lượng người làm việc			LĐHD theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức		
			Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
	TỔNG CỘNG		2 483	135 383	116 380	116 380		10 464	8 539	129 637	106 228	106 228		6 947	9 166	7 296	133 995	115 119	114 059	1 060	10 464	8 412	-1 384	-1 261	-2 321	1 060		-127
I	Giáo dục - Đào tạo		2 198	113 493	98 018	98 018		7 362	8 113	109 627	91 004	91 004		5 206	6 489	6 928	113 269	97 807	97 797	10	7 349	8 113	-224	-211	-221	10	-13	
	Đại học		1	338	326	326		12		377	315	315		51	11		338	326	316	10	12			-10	10			
	THPT		116	10 333	9 821	9 821		498	14	9 955	9 102	9 102		438	401	14	10 331	9 819	9 819		498	14	-2	-2	-2			
	THCS		600	27 438	25 406	25 406		2 026	6	27 067	23 501	23 501		1 790	1 774	2	27 216	25 197	25 197		2 013	6	-222	-209	-209		-13	
	Tiểu học		698	32 073	29 694	29 694		2 371	8	31 270	27 182	27 182		1 956	2 130	2	32 073	29 694	29 694		2 371	8						
	Mầm non		777	43 184	32 662	32 662		2 437	8 085	40 849	30 817	30 817		962	2 160	6 910	43 184	32 662	32 662		2 437	8 085						
	Khác (Khuyết tật, ...)		6	127	109	109		18		109	87	87		9	13		127	109	109		18							
II	Giáo dục nghề nghiệp		33	1 613	1 426	1 426		183	4	1 379	1 107	1 107		126	146		1 530	1 352	1 205	147	174	4	-83	-74	-221	147	-9	
	Cao đẳng		5	616	574	574		42		487	452	452		5	30		546	513	413	100	33		-70	-61	-161	100	-9	
	Trung cấp		1	122	101	101		17	4	73	63	63		2	8		122	101	101		17	4						
	Trung tâm GDTX		27	875	751	751		124		819	592	592		119	108		862	738	691	47	124		-13	-13	-60	47		
III	Y tế		43	11 675	10 519	10 519		1 156		10 772	9 265	9 265		591	916		11 654	10 488	9 686	802	1 166		-21	-31	-833	802	10	
	Bệnh viện		6	1 138	980	980		158		1 006	789	789		81	136		1 124	966	933	33	158		-14	-14	-47	33		
	Trung tâm y tế		37	10 537	9 539	9 539		998		9 766	8 476	8 476		510	780		10 530	9 522	8 753	769	1 008		-7	-17	-786	769	10	
IV	Nghiên cứu khoa học		3	126	111	111		15		73	60	60		13			126	111	103	8	15			-8	8			
V	Văn hóa, thể thao và du lịch		40	2 256	1 860	1 860		396		2 124	1 551	1 551		276	297		2 158	1 768	1 715	53	390		-98	-92	-145	53	-6	
VI	Thông tin và truyền thông		5	120	114	114		6		78	76	76		1	1		118	112	102	10	6		-2	-2	-12	10		
VII	Sự nghiệp khác		70	5 416	3 871	3 871		1 313	232	5 011	2 778	2 778		720	1 290	223	4 343	2 939	2 909	30	1 299	105	-1 069	-932	-962	30	-14	
VIII	Hội		91	684	461	461		33	190	573	387	387		27	14	145	684	461	461		33	190						
	Biên chế dự phòng																113	81	81		32		113	81	81		32	
A	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành		223	28 320	24 932	24 932		3 136	252	26 431	21 641	21 641		1 867	2 686	237	27 673	24 406	23 539	867	3 142	125	-643	-526	-1 393	867	6	
1	Văn phòng UBND Thành phố		1	29	28	28		1		16	16	16					28	27	27		1		-1	-1	-1			
2	Sở Thông tin và Truyền thông		2	69	66	66		3		66	63	63		3			68	65	65		3		-1	-1	-1			
3	Sở Nội vụ		1	24	24	24				17	17	17					23	23	23				-1	-1	-1			
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		7	1 844	1 509	1 509		103	232	1 773	867	867		584	99	223	1 402	1 194	1 193	1	103	105	-438	-315	-316	1	-127	
5	Sở Công Thương		1	74	66	66		8		71	62	62		1	8		74	66	62	4	8			-4	4			
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư		1	40	38	38		2		44	35	35		7	2		40	38	35	3	2			-3	3			
7	Sở Tài chính		1	20	17	17		3		14	12	12		2			19	16	16		3		-1	-1	-1			
8	Sở Giao thông vận tải		1	84	74	74		10		72	62	62		10			82	72	72		10		-2	-2	-2			
9	Sở Khoa học và Công nghệ		3	86	71	71		15		49	38	38		11			86	71	60	11	15			-11	11			
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội		26	2 267	1 156	1 156		1 111		2 004	906	906		1 098		2 229	1 118	1 110	8	1 111		-38	-38	-46	8			
11	Sở Giáo dục và đào tạo		119	10 573	10 027	10 027		526	20	10 139	9 270	9 270		434	421	14	10 573	10 027	10 027		526	20						
12	Sở Y tế		43	11 675	10 519	10 519		1 156		10 772	9 265	9 265		591	916		11 654	10 488	9 686	802	1 166		-21	-31	-833	802	10	
13	Sở Văn hóa và Thể thao		12	1 269	1 083	1 083		186		1 203	848	848		246	109		1 248	1 062	1 037	25	186		-21	-21	-46	25		
14	Sở Tư pháp		2	93	88	88		5		84	79	79		5			91	86	84	2	5		-2	-2	-4	2		
15	Sở Tài nguyên và Môi trường		2	150	143	143		7		86	84	84		2			33	30	22	8	3		-117	-113	-121	8	-4	
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất		1	23	23	23				21	17	17		4			23	23	20	3				-3	3			
B	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố		12	1 335	1 180	1 180		155		1 196	1 012	1 012		62	122		1 247	1 101	991	110	146		-88	-79	-189	110	-9	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội		1	108	96	96		12		107	91	91		5	11		105	93	93		12		-3	-3	-3			
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội		3	200	115	115		85		181	113	113		1	67		185	100	100		85		-15	-15	-15			

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Số lượng đơn vị	Số được giao của năm 2021						Số có mặt đến thời điểm 30/9/2021						Kế hoạch năm 2022						Tăng, giảm so với năm 2021						
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra					Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra							
				Tổng cộng	Số lượng người làm việc				Tổng cộng	Số lượng người làm việc			Tổng cộng		Số lượng người làm việc			Tổng cộng		Số lượng người làm việc							
					Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	LDHD theo ND68 và ND161			HĐLĐ định mức	Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN			Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	LDHD theo ND68 và ND161	HĐLĐ định mức			Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	LDHD theo ND68 và ND161	HĐLĐ định mức			
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	2	73	69	69		4		44	41	41			3		73	69	69		4							
5	Trường Đại học Thủ đô	1	338	326	326		12		377	315	315		51	11		338	326	316	10	12			- 10	10			
6	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	1	143	140	140		3		113	109	109		2	2		143	140	112	28	3			- 28	28			
7	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	1	132	120	120		12		110	102	102			8		132	120	104	16	12			- 16	16			
10	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Nội	1	140	136	136		4		105	105	105					140	136	108	28	4			- 28	28			
11	Trường Cao đẳng Công đồng Hà Tây	1	131	117	117		14		103	89	89		3	11		131	117	89	28	14			- 28	28			
14	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội	1	70	61	61		9		56	47	47			9							- 70	- 61	- 61		- 9	0	
C	Khối Hội đặc thù thuộc Thành phố	17	480	373	373		31	76	393	318	318		14	14	47	480	373	373		31	76						
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	1	23	9	9		2	12	15	4	4			1	10	23	9	9		2	12						
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	1	16	14	14		2		11	9	9			2		16	14	14		2							
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	1	9	3	3		1	5	8	3	3			1	4	9	3	3		1	5						
4	Hội Chữ thập đỏ	1	21	16	16		2	3	1					1	21	16	16		2	3							
5	Hội Người mù	1	26				4	22	25					3	22	26				4	22						
6	Hội Luật gia	1	5	3	3			2	5	3	3			2	5	3	3			2							
7	Hội Nhà báo	1	7	5	5		1	1	7	5	5			1	1	7	5	5		1	1						
8	Hội Đông y	1	24	17	17		2	5	21	17	17		2	2		24	17	17		2	5						
9	Hội Khuyến học	1	1					1	1					1	1					1							
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	1	8				2	6	8				2	6		8				2	6						
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	1	48	27	27		2	19	25	22	22		1	2		48	27	27		2	19						
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	5	284	271	271		13		260	250	250		10			284	271	271		13							
1	Bảo Tuổi trẻ Thủ đô	1	15	15	15				14	14	14					15	15	15									
2	Cung Thiếu nhi Hà Nội	1	59	59	59				54	54	54					59	59	59									
3	Trường Đào tạo cán bộ Đội TNTP Hồ Chí Minh mang tên Lê Duẩn	1	63	50	50		13		56	46	46		10			63	50	50		13							
4	Cung Thanh niên Hà Nội	1	55	55	55				51	51	51					55	55	55									
5	Trung tâm Dịch vụ việc làm và hỗ trợ thanh niên Hà Nội	1	92	92	92				85	85	85					92	92	92									
13	Trung tâm Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Thành phố	1	8	8	8				6	5	5		1			8	8	8									
D	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Quận, huyện, thị xã	2 231	105 248	89 895	89 895		7 142	8 211	101 617	83 257	83 257		5 004	6 344	7 012	104 482	89 158	89 075	83	7 113	8 211	- 766	- 737	- 820	83	- 29	
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	43	1 950	1 656	1 656		182	112	1 757	1 412	1 412		113	151	81	1 904	1 618	1 616	2	174	112	- 46	- 38	- 40	2	- 8	
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	68	3 031	2 605	2 605		229	197	2 850	2 328	2 328		153	210	159	3 006	2 582	2 579	3	227	197	- 25	- 23	- 26	3	- 2	
3	UBND Quận Ba Đình	54	2 692	2 345	2 345		196	151	2 563	2 055	2 055		175	182	151	2 691	2 344	2 333	11	196	151	- 1	- 1	- 12	11		
4	UBND Quận Đống Đa	69	3 243	2 794	2 794		248	201	3 010	2 601	2 601		46	203	160	3 243	2 794	2 789	5	248	201			- 5	5		
5	UBND Quận Tây Hồ	31	1 609	1 384	1 384		103	122	1 549	1 299	1 299		58	97	95	1 555	1 334	1 334		99	122	- 54	- 50	- 50		- 4	
6	UBND Quận Thanh Xuân	50	2 408	2 068	2 068		144	196	2 286	1 969	1 969		196	18	103	2 330	1 993	1 989	4	141	196	- 78	- 75	- 79	4	- 3	

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	Số lượng đơn vị	Số được giao của năm 2021						Số có mặt đến thời điểm 30/9/2021						Kế hoạch năm 2022						Tăng, giảm so với năm 2021						
			Tổng số	Chia ra			LDHĐ theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức	Tổng số	Chia ra			LDHĐ đối với VTVL là viên chức	LDHĐ theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức	Tổng số	Chia ra			LDHĐ theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức	Tổng số	Chia ra			LDHĐ theo ND68 và ND161	HDLĐ định mức
				Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				Tổng cộng	Hướng lương từ NSNN	Hướng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		
7	UBND Quận Cầu Giấy	41	2 565	2 227	2 227		144	194	2 488	2 081	2 081		151	138	118	2 487	2 153	2 150	3	140	194	- 78	- 74	- 77	3	- 4	
8	UBND Quận Hoàng Mai	59	3 329	2 872	2 872		216	241	3 303	2 640	2 640		249	207	207	3 329	2 872	2 869	3	216	241			- 3	3		
9	UBND Quận Long Biên	82	3 875	3 269	3 269		238	368	3 873	2 849	2 849		609	121	294	3 874	3 268	3 266	2	238	368	- 1	- 1	- 3	2		
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	45	2 266	1 941	1 941		136	189	2 192	1 748	1 748		185	135	124	2 209	1 887	1 884	3	133	189	- 57	- 54	- 57	3	- 3	
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	50	2 674	2 304	2 304		158	212	2 380	2 062	2 062			149	169	2 673	2 303	2 303		158	212	- 1	- 1	- 1			
12	UBND Quận Hà Đông	100	4 703	4 038	4 038		242	423	4 616	3 839	3 839		311	105	361	4 640	3 978	3 975	3	239	423	- 63	- 60	- 63	3	- 3	
13	UBND Huyện Thanh Trì	75	3 976	3 332	3 332		294	350	3 821	2 976	2 976		282	285	278	3 946	3 302	3 296	6	294	350	- 30	- 30	- 36	6		
14	UBND Huyện Gia Lâm	83	3 830	3 267	3 267		271	292	3 691	2 983	2 983		208	215	285	3 830	3 267	3 258	9	271	292			- 9	9		
15	UBND Huyện Đông Anh	97	5 397	4 668	4 668		281	448	5 289	4 491	4 491		143	280	375	5 370	4 641	4 641		281	448	- 27	- 27	- 27			
16	UBND Huyện Sóc Sơn	107	5 474	4 660	4 660		400	414	5 439	4 382	4 382		274	400	383	5 473	4 659	4 650	9	400	414	- 1	- 1	- 10	9		
17	UBND Huyện Ba Vì	117	5 184	4 365	4 365		439	380	5 023	4 220	4 220			423	380	5 152	4 333	4 333		439	380	- 32	- 32	- 32			
18	UBND Thị xã Sơn Tây	51	2 301	1 952	1 952		172	177	2 222	1 836	1 836		61	166	159	2 274	1 925	1 916	9	172	177	- 27	- 27	- 36	9		
19	UBND Huyện Thạch Thất	81	3 654	3 151	3 151		240	263	3 281	2 926	2 926			153	202	3 651	3 148	3 148		240	263	- 3	- 3	- 3			
20	UBND Huyện Phúc Thọ	75	3 260	2 788	2 788		217	255	3 200	2 608	2 608		163	198	231	3 231	2 759	2 756	3	217	255	- 29	- 29	- 32	3		
21	UBND Huyện Đan Phượng	58	2 757	2 368	2 368		179	210	2 649	2 124	2 124		149	173	203	2 731	2 342	2 338	4	179	210	- 26	- 26	- 30	4		
22	UBND Huyện Hoài Đức	82	4 259	3 623	3 623		221	415	4 207	3 347	3 347		364	178	318	4 229	3 593	3 589	4	221	415	- 30	- 30	- 34	4		
23	UBND Huyện Quốc Oai	81	3 713	3 144	3 144		288	281	3 515	2 956	2 956		2	285	272	3 677	3 108	3 108		288	281	- 36	- 36	- 36			
24	UBND Huyện Chương Mỹ	115	4 825	4 140	4 140		327	358	4 780	3 973	3 973		177	327	303	4 802	4 119	4 119		325	358	- 23	- 21	- 21		- 2	
25	UBND Huyện Thanh Oai	75	3 302	2 845	2 845		204	253	3 201	2 719	2 719		27	203	252	3 300	2 843	2 843		204	253	- 2	- 2	- 2			
26	UBND Huyện Thường Tín	93	4 002	3 455	3 455		266	281	4 001	3 246	3 246		236	266	253	3 979	3 432	3 432		266	281	- 23	- 23	- 23			
27	UBND Huyện Ứng Hòa	95	3 557	3 017	3 017		270	270	3 370	2 611	2 611		247	254	258	3 535	2 995	2 995		270	270	- 22	- 22	- 22			
28	UBND Huyện Phú Xuyên	93	3 971	3 379	3 379		257	335	3 745	3 159	3 159		36	246	304	3 946	3 354	3 354		257	335	- 25	- 25	- 25			
29	UBND Huyện Mỹ Đức	85	3 795	3 134	3 134		365	296	3 867	3 001	3 001		227	362	277	3 771	3 110	3 110		365	296	- 24	- 24	- 24			
30	UBND Huyện Mê Linh	76	3 646	3 104	3 104		215	327	3 449	2 816	2 816		162	214	257	3 644	3 102	3 102		215	327	- 2	- 2	- 2			

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM

(từ ngày /12/2021 đến ngày /12/2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND, ngày tháng năm 2021 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2022 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 11.639 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 10.560 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.079 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 132.935 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 114.059 biên chế.
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 10.464 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 8.412 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các cơ quan, đơn vị chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2022, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và số lượng người làm việc), UBND Thành phố thống nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2022. Giải quyết dứt điểm chỉ tiêu hợp đồng lao động định mức tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong năm 2022.

2. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc tổ chức, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên nắm bắt, làm tốt công tác tư

tướng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để từ đó lan tỏa tới từng cơ quan, đơn vị và trong toàn hệ thống chính trị.

3. Triển khai có hiệu quả thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội. Đảm bảo chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư; kịp thời kiểm tra, rà soát, khắc phục các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo xin ý kiến những nội dung vượt thẩm quyền.

4. Tổ chức sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ. Tập trung các giải pháp đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao khả năng tự chủ, tự chi trả từ nguồn thu của đơn vị, đây là nội dung quyết định để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm 10% biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, chuẩn hóa quy trình giải quyết công việc; nâng cao dịch vụ công mức độ 3 và 4 để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

6. Tập trung rà soát, điều chỉnh, phê duyệt đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ, trên cơ sở danh mục khung vị trí việc làm được Bộ Chính trị thông qua và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Quản lý chuyên ngành và phù hợp với thực tiễn quản lý để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ: chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng; đổi mới công tác tuyển dụng; nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật lao động; thực hiện thanh tra, kiểm tra công vụ thường xuyên và đột xuất. Xác định chất lượng nguồn nhân lực của Thủ đô phải là yếu tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả công tác tham mưu tại tất cả các ngành, lĩnh vực.

8. Chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các ngành liên quan của Thành phố rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố liên quan đến lĩnh vực phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công tác cán bộ, vị trí việc làm để điều chỉnh, bổ sung kịp thời theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác ĐBQH, VPQH, VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2021 của HĐND Thành phố

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2022		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo NĐ số 68/2000/NĐ- CP
	Tổng cộng	11 639	10 560	1 079
I	Khối Sở ngành	4 003	3 325	678
1	Văn phòng UBND Thành phố	195	149	46
2	Các cơ quan thuộc HĐND Thành phố	71	58	13
3	Sở Thông tin và Truyền thông	79	69	10
4	Sở Nội vụ	158	126	32
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	679	578	101
6	Sở Công Thương	138	123	15
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	172	160	12
8	Sở Tài chính	227	217	10
9	Sở Xây dựng	220	200	20
10	Sở Giao thông Vận tải	694	411	283
11	Sở Khoa học và Công nghệ	112	99	13
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	154	147	7
13	Sở Giáo dục và đào tạo	141	126	15
14	Sở Y tế	177	151	26
15	Sở Văn hóa và Thể thao	119	107	12
16	Sở Du lịch	58	52	6
17	Sở Tư pháp	80	73	7
18	Sở Ngoại vụ	40	33	7
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	182	169	13
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	103	91	12
21	Thanh tra Thành phố	118	112	6
22	Ban Dân tộc	27	21	6
23	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	59	53	6

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2022		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLD theo NĐ số 68/2000/NĐ- CP
II	Khối Chính quyền Quận, huyện, thị xã	7 636	7 235	401
1	Quận Hoàn Kiếm	455	449	6
2	Quận Hai Bà Trưng	482	458	24
3	Quận Ba Đình	392	377	15
4	Quận Đống Đa	542	519	23
5	Quận Tây Hồ	280	266	14
6	Quận Thanh Xuân	326	313	13
7	Quận Cầu Giấy	280	268	12
8	Quận Hoàng Mai	391	379	12
9	Quận Long Biên	375	369	6
10	Quận Nam Từ Liêm	316	301	15
11	Quận Bắc Từ Liêm	359	347	12
12	Quận Hà Đông	445	430	15
13	Huyện Thanh Trì	186	174	12
14	Huyện Gia Lâm	198	181	17
15	Huyện Đông Anh	200	193	7
16	Huyện Sóc Sơn	214	197	17
17	Huyện Ba Vì	163	150	13
18	Thị xã Sơn Tây	297	286	11
19	Huyện Thạch Thất	142	133	9
20	Huyện Phúc Thọ	137	126	11
21	Huyện Đan Phượng	146	130	16
22	Huyện Hoài Đức	148	139	9
23	Huyện Quốc Oai	145	133	12
24	Huyện Chương Mỹ	160	139	21
25	Huyện Thanh Oai	133	124	9
26	Huyện Thường Tín	138	129	9
27	Huyện Ứng Hòa	147	129	18
28	Huyện Phú Xuyên	139	128	11
29	Huyện Mỹ Đức	147	130	17

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2022		
		Tổng cộng	Biên chế công chức	HĐLĐ theo NĐ số 68/2000/NĐ- CP
30	Huyện Mê Linh	153	138	15

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2022**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND Thành phố)

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2022					
		Tổng số	Số lượng người làm việc			LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ- CP	HĐLĐ định mức
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		
	TỔNG CỘNG	133 995	115 119	114 059	1 060	10 464	8 412
A	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Khối Sở Ngành	27 673	24 406	23 539	867	3 142	125
1	Văn phòng UBND Thành phố	28	27	27		1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	68	65	65		3	
3	Sở Nội vụ	23	23	23			
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1 402	1 194	1 193	1	103	105
5	Sở Công Thương	74	66	62	4	8	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	38	35	3	2	
7	Sở Tài chính	19	16	16		3	
8	Sở Giao thông vận tải	82	72	72		10	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	86	71	60	11	15	
10	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 229	1 118	1 110	8	1 111	
11	Sở Giáo dục và đào tạo	10 573	10 027	10 027		526	20
12	Sở Y tế	11 654	10 488	9 686	802	1 166	
13	Sở Văn hóa và Thể thao	1 248	1 062	1 037	25	186	
14	Sở Tư pháp	91	86	84	2	5	
15	Sở Tài nguyên và Môi trường	33	30	22	8	3	
17	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	23	23	20	3		
B	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành phố	1 247	1 101	991	110	146	
1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội	105	93	93		12	
2	Trung tâm Bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	185	100	100		85	
3	Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội	73	69	69		4	
4	Trường Đại học Thủ đô	338	326	316	10	12	
5	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	143	140	112	28	3	
6	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	132	120	104	16	12	
7	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	140	136	108	28	4	
8	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	131	117	89	28	14	
9	Trường Cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội						
C	Khối Hội đặc thù thuộc Thành phố	480	373	373		31	76
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	9		2	12
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	14		2	
3	Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	3		1	5
4	Hội Chữ thập đỏ	21	16	16		2	3
5	Hội Người mù	26				4	22
6	Hội Luật gia	5	3	3			2
7	Hội Nhà báo	7	5	5		1	1
8	Hội Đông y	24	17	17		2	5
9	Hội Khuyến học	1					1

Số TT	Loại hình, tên đơn vị	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2022					
		Tổng số	Số lượng người làm việc			LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	HDLĐ định mức
			Tổng cộng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị		
10	Hội Cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8				2	6
11	Liên minh Hợp tác xã Thành phố	48	27	27		2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	271		13	
13	Trung tâm Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Thành phố	8	8	8			
D	Khối đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã	104 482	89 158	89 075	83	7 113	8 211
1	Quận Hoàn Kiếm	1 904	1 618	1 616	2	174	112
2	Quận Hai Bà Trưng	3 006	2 582	2 579	3	227	197
3	Quận Ba Đình	2 691	2 344	2 333	11	196	151
4	Quận Đống Đa	3 243	2 794	2 789	5	248	201
5	Quận Tây Hồ	1 555	1 334	1 334		99	122
6	Quận Thanh Xuân	2 330	1 993	1 989	4	141	196
7	Quận Cầu Giấy	2 487	2 153	2 150	3	140	194
8	Quận Hoàng Mai	3 329	2 872	2 869	3	216	241
9	Quận Long Biên	3 874	3 268	3 266	2	238	368
10	Quận Nam Từ Liêm	2 209	1 887	1 884	3	133	189
11	Quận Bắc Từ Liêm	2 673	2 303	2 303		158	212
12	Quận Hà Đông	4 640	3 978	3 975	3	239	423
13	Huyện Thanh Trì	3 946	3 302	3 296	6	294	350
14	Huyện Gia Lâm	3 830	3 267	3 258	9	271	292
15	Huyện Đông Anh	5 370	4 641	4 641		281	448
16	Huyện Sóc Sơn	5 473	4 659	4 650	9	400	414
17	Huyện Ba Vì	5 152	4 333	4 333		439	380
18	Thị xã Sơn Tây	2 274	1 925	1 916	9	172	177
19	Huyện Thạch Thất	3 651	3 148	3 148		240	263
20	Huyện Phúc Thọ	3 231	2 759	2 756	3	217	255
21	Huyện Đan Phượng	2 731	2 342	2 338	4	179	210
22	Huyện Hoài Đức	4 229	3 593	3 589	4	221	415
23	Huyện Quốc Oai	3 677	3 108	3 108		288	281
24	Huyện Chương Mỹ	4 802	4 119	4 119		325	358
25	Huyện Thanh Oai	3 300	2 843	2 843		204	253
26	Huyện Thường Tín	3 979	3 432	3 432		266	281
27	Huyện Ứng Hòa	3 535	2 995	2 995		270	270
28	Huyện Phú Xuyên	3 946	3 354	3 354		257	335
29	Huyện Mỹ Đức	3 771	3 110	3 110		365	296
30	Huyện Mê Linh	3 644	3 102	3 102		215	327
	Biên chế dự phòng	113	81	81		32	